

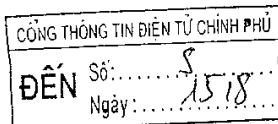
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1396 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 61/TTr-BLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 64 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và 09 tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Đồng Tháp, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Sóc Trăng, Thái Bình, Thanh Hóa (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

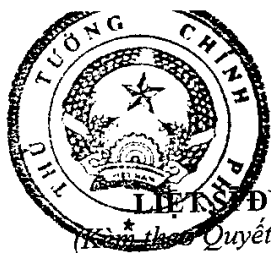
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: PCN Phạm Viết Muôn,
TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 9 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



DANH SÁCH
LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG “TỔ QUỐC GHI CÔNG”
(Kể theo Quyết định số: 1536 /QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2014
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ CÔNG AN

1. Liệt sĩ: Trần Đắc Lư

Trung úy Công an nhân dân, nguyên quán: xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1951.

BỘ QUỐC PHÒNG

2. Liệt sĩ: Trần Văn Tráng

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 10 năm 2013.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cường

Thương binh 2/4 (tỷ lệ 63%), nguyên quán: xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 11 tháng 6 năm 2013.

TỈNH HÀ TĨNH

4. Liệt sĩ: Đặng Đình Ngụ

Thương binh 1/4 (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 01 năm 2012.

5. Liệt sĩ: Phạm Văn Thời

Công dân, nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 11 năm 2013.

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

6. Liệt sĩ: Đinh Như Dũng

Thương binh 1/4 (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 2008.

TỈNH BẮC GIANG

7. Liệt sĩ: Giáp Văn Sâm

Du kích xã, nguyên quán: xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 3 năm 1950.

TỈNH BẮC NINH

8. Liệt sĩ: Nguyễn Mạnh Toàn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 11 năm 2013.

9. Liệt sĩ: Nguyễn Đình Phong

Công dân, nguyên quán: phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 2014.

TỈNH ĐỒNG THÁP

10. Liệt sĩ: Trần Bá Lê (tức Cả Nhì Ngru)

Cơ sở cách mạng, nguyên quán: ấp Hòa Lợi, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tháng 7 năm 1931.

TỈNH SÓC TRĂNG

11. Liệt sĩ: Phan Văn Vinh

Phó Ban An ninh xã, nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1970.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thân

Phó Ban Hậu cần xã, nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968.

13. Liệt sĩ: Lưu Thanh Tiến

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1968.

14. Liệt sĩ: Lý Văn Quân

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 11 năm 1974.

15. Liệt sĩ: Lê Thị Hoa

Công dân, Nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1974.

16. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quý

Xã đội phó, nguyên quán: xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1973.

17. Liệt sĩ: Trương Văn Quân

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1970.

18. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Kỳ

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1962.

19. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tân

Trưởng ban chấp hành nông dân xã, nguyên quán: xã Thạnh Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1947.

20. Liệt sĩ: Hà Văn Cọc

Trưởng Ban An ninh xã, nguyên quán: xã An Thạnh Nhì, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 12 năm 1962.

21. Liệt sĩ: Võ Văn Lo

Tiểu đội phó du kích, nguyên quán: xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1976.

22. Liệt sĩ: Nguyễn Hồng Hải

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 6 năm 1986.

23. Liệt sĩ: Võ Văn Quang

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968.

24. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Minh

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 02 năm 1986.

25. Liệt sĩ: Cái Văn Chinh

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1968.

26. Liệt sĩ: Phan Văn Thắng

Trưởng Ban Công trường xã, nguyên quán: xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972.

27. Liệt sĩ: Trần Văn Thố

Phó Bí thư chi bộ ấp, nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

28. Liệt sĩ: Trương Văn Vọng

Ấp đội trưởng, nguyên quán: xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1962.

29. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tám

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 01 năm 1970.

30. Liệt sĩ: Trần Văn Ruộng

Đảng viên, nguyên quán: xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1966.

31. Liệt sĩ: Ngô Văn Trạng

Cán bộ Tuyên huấn huyện, nguyên quán: xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1970.

32. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Sáu

Bí thư Chi đoàn xã, nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1960.

33. Liệt sĩ: Lê Văn Be

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 10 năm 1967.

34. Liệt sĩ: Phạm Văn Hữu

Tiểu đội trưởng du kích, Nguyên quán: xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1972.

35. Liệt sĩ: Huỳnh Quốc Tuấn

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1968.

36. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Năm

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1974.

37. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lũy

Tiểu đội trưởng du kích, nguyên quán: xã Khánh Hòa, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970.

38. Liệt sĩ: Lê Đức Thắng

Bí thư Chi bộ xã, nguyên quán: xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1969.

39. Liệt sĩ: Trần Văn Giũ

Cán sự ấp, nguyên quán: xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1960.

40. Liệt sĩ: Lương Văn Muôn

Xã đội trưởng, nguyên quán: xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1963.

41. Liệt sĩ: Lê Văn Thom

Tổ trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1967.

TỈNH THÁI BÌNH

42. Liệt sĩ: Đỗ Văn Biễn

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 9 năm 2013.

43. Liệt sĩ: Hồ Xuân Thực

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Đông Long, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 11 năm 2012.

44. Liệt sĩ: Trần Ngọc Chiến

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đông Sơn, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 2013.

45. Liệt sĩ: Dương Văn Hỷ

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 2013.

46. Liệt sĩ: Vũ Gia Định

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 2012.

47. Liệt sĩ: Lê Văn Thạch

Thương binh $\frac{4}{4}$ (tỷ lệ 35%), nguyên quán: xã Tụ Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 06 tháng 8 năm 2007.

TỈNH THANH HÓA

48. Liệt sĩ: Lê Bá Hưng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 10 năm 2012.

49. Liệt sĩ: Đỗ Minh Tương

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 82%), nguyên quán: xã Hoằng Khánh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 01 năm 2012.

50. Liệt sĩ: Nguyễn Huy Nam

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 11 năm 2012.

51. Liệt sĩ: Lê Công Vụ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 8 năm 2012.

52. Liệt sĩ: Hoàng Đức Duyên

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

53. Liệt sĩ: Lê Cao Luật

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 08 tháng 12 năm 2012.

54. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Trường

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 2013.

55. Liệt sĩ: Vũ Tiến Tới

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 02 năm 2013.

56. Liệt sĩ: Phạm Văn Bình

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Bắc Lương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 2013.

57. Liệt sĩ: Trịnh Xuân Diên

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 8 năm 2013.

58. Liệt sĩ: Đỗ Kim Trọng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 5 năm 2012.

59. Liệt sĩ: Bùi Tá Mậu

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 20 tháng 8 năm 2013.

60. Liệt sĩ: Vũ Đức Khoa

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 96%), nguyên quán: xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 2013.

61. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Độ

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 9 năm 2011.

62. Liệt sĩ: Đỗ Đức Thân

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 7 năm 2009.

63. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Điện

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 2004.

64. Liệt sĩ: Quách Công Ngọc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 2013./.
